

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - HƯNG YÊN**

Bản án số: 05 /2026/HNGĐ-ST

Ngày: 15.01.2026

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung khi ly hôn”*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HƯNG YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Vũ Quang Nguyên và bà Vũ Thu Trà.

-Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: bà Phạm Thị Thơ - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – Hưng Yên.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hưng Yên tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hữu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở, Toà án nhân dân khu vực 3 - Hưng Yên, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 về việc: Yêu cầu ly hôn và giải quyết việc nuôi dưỡng con chung khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/QĐ – HPT ngày 31 tháng 12 năm 2025.

* Nguyên đơn: chị Vương Thị H, sinh năm 1987. Nơi cư trú: xóm 13, thôn L, xã V, tỉnh Hưng Yên.

* Bị đơn: anh Phạm Văn C, sinh năm 1982. Nơi cư trú: xóm 13, thôn L, xã V, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai chị Vương Thị H thể hiện: chị H và anh Phạm Văn C là hai khác địa phương kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu (nay là UBND xã Việt Tiến), tỉnh Hưng Yên vào ngày 28/02/2007.

Sau khi kết hôn, chị H về gia đình anh C chung sống, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng vài năm đầu, sau đó thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân là do anh C chơi bời, cờ bạc không chịu làm ăn khiến kinh tế gia đình sa sút. Chị H có khuyên bảo anh C để vợ chồng tập trung làm ăn kinh tế nuôi dạy con chung nhưng anh C không thay đổi, vợ chồng chung sống với nhau không có hạnh phúc, gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, kinh tế gia đình gặp khó khăn nên từ cuối năm 2017 chị H đã đi xuất khẩu lao động và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn. Đến nay chị H xác định chị không còn tình cảm vợ chồng với anh C, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C để chị ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: chị H xác định quá trình chung sống, vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Phạm Thị S, sinh ngày 16.03.2008 và cháu Phạm Quang T, sinh ngày 19.11.2013. Quan điểm của chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai cháu đến tuổi thành niên, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

+ Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng canh tác: chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Phạm Văn C, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh C theo quy định của pháp luật, nhưng anh C không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, không có lý do.

* *Người làm chứng*: bà Hoàng Thị B (mẹ đẻ anh C) trình bày: chị H và anh C kết hôn với nhau tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn như chị H trình bày trên. Anh chị chung sống với nhau hạnh phúc và đã có 02 con chung như chị H đã trình bày, sau đó anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C chơi bời dẫn đến nợ nần, vợ chồng cãi vã, khoảng từ năm 2017 chị H đi xuất khẩu lao động, anh chị sống ly thân, chị H chỉ quan tâm đến các con, chị H mới về Việt Nam nhưng anh chị cũng không chung sống với nhau, anh C và các con sống cùng gia đình bà nhưng anh C đi làm ăn, một vài ngày mới lại về nhà thăm các con, lâu thì một tuần. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh C, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, trường hợp chị H và anh C ly hôn, bà đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của các cháu. Về tài sản chung, công nợ: bà không nắm được. Về công sức: bà xác định chị H, anh C chung sống không có công sức gì đóng góp vào khối tài sản của gia đình bà. Bà B cam kết nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và giao cho anh C để anh C thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Cháu Phạm Thị S và cháu Phạm Quang T đều xác định bố mẹ đã sống ly thân nhau từ khi các cháu còn nhỏ, trường hợp bố mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng ở với mẹ (chị H).

* *UBND xã Việt Tiến cung cấp*: Chị H và anh C kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên vào ngày 28.02.2007 (nay là xã Việt Tiến, tỉnh Hưng Yên) là đúng. Quá trình vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc hay mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được. Chị H, anh C có 02 con chung là cháu Phạm Thị S, sinh ngày 16.03.2008 và cháu Phạm Quang T, sinh ngày 19.11.2013. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh C và đề nghị Tòa án giải quyết về con chung, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết, đảm bảo quyền lợi của hai bên và đảm bảo quyền lợi của con chung chưa thành niên.

Tại phiên tòa, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh C và chị xin được nuôi con chung.

Anh C vắng tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hưng Yên. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa không thuộc trường hợp phải thay đổi. Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung của vụ án: căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1, 2 Điều 228 BLTTDS; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí: xử cho chị Vương Thị H ly hôn anh Phạm Văn C. Về con chung: giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu cháu Phạm Thị S, sinh ngày 16.03.2008 và cháu Phạm Quang T, sinh ngày 19.11.2013 đến tuổi thành niên, chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H. Về tài sản chung, công

nợ, công sức, ruộng canh tác không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: chị H khởi kiện xin ly hôn anh C có nơi cư trú tại xã Việt Tiến, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 3 – Hưng Yên, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt được Tòa án chấp nhận, anh C vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 BLTTDS.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị Vương Thị H và anh Phạm Văn C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên vào ngày 28.02.2007 (nay là xã Việt Tiến, tỉnh Hưng Yên). Do vậy, hôn nhân của chị H, anh C là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nay chị H xin ly hôn anh C sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung.

Căn cứ lời khai của chị H, lời khai người làm chứng, xác định, thời gian chị H, anh C chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng vài năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn, là do anh C không chịu làm ăn khiến kinh tế gia đình sa sút, dẫn đến nợ nần, vợ chồng xảy ra cãi vã, chung sống với nhau không có hạnh phúc, gia đình luôn trong tình trạng căng. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên năm 2017 chị Hường đi xuất khẩu lao động, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh C, anh C đã được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng anh C cố tình vắng mặt, không thể hiện quan điểm của mình, không tham gia phiên hòa giải và không tham gia phiên tòa. Điều này chứng tỏ anh C không còn tình cảm với chị H và cũng không mong muốn đoàn tụ với chị H. Như vậy, có đủ căn cứ xác định chị H và anh C không còn tình cảm với nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho chị H được ly hôn anh C là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: chị H và anh C, có 02 con chung là cháu Phạm Thị S, sinh ngày 16.03.2008 và cháu Phạm Quang T, sinh ngày 19.11.2013. Chị H có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con chung đến tuổi thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Cháu S, cháu T đều có nguyện vọng xin được ở cùng với mẹ.

Xét thấy, chị H có đủ điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc con chung, đảm bảo sự phát triển mọi mặt cho con chung, các cháu S và T đều có nguyện vọng ở với mẹ là chị H nên giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu S và cháu T đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định của pháp luật. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở và có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản, công sức, nợ chung: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[5]. Về án phí: chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Vương Thị H được ly hôn anh Phạm Văn C.

2. Về con chung: giao cháu Phạm Thị S, sinh ngày 16.03.2008 và cháu Phạm Quang T, sinh ngày 19.11.2013 là con chung của chị H và anh C cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở và có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: không xem xét, giải quyết. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí: chị Vương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003002 ngày 10/11/2025 của Chi cục thi hành án tỉnh Hưng Yên. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng KT TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 3 – Hưng Yên;
- Chi cục THA tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Việt Tiến;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Oanh